

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2018/HSST

Ngày : 09/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông HOÀNG TRÌNH

+ *Các Hội thẩm nhân dân*

1/. Bà TRẦN TRƯỞNG THỊ THIÊN TRÀ

2/. Ông MAI PHÚ

- Thư ký phiên tòa: Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông TRẦN MINH TIẾN - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 09 tháng 10 năm 2018. tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 138/2018/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/QĐ-HSST ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/. Họ và tên: **NGUYỄN TRẦN YẾN T.** Sinh ngày 08 tháng 11 năm 1988. Nơi sinh: Lâm Đồng. Nơi ĐKNKTT: 81A - C, Phường 7, thành phố Đ, Lâm Đồng. Chỗ ở: 81A - C, Phường 7, thành phố Đ, Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Con ông: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1962; Con bà: Trần Thị B, sinh năm 1967. Hiện ở tại: 81A - C, Phường 7, thành phố Đ, Lâm Đồng. Vợ: Đỗ Hoàng Phương T, sinh năm 1989, có 01 con, sinh năm 2012. Tiền án: Tại bản án số 153/2016/HSST ngày 11/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/7/2017. Tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam ngày 18/4/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, Lâm Đồng, có mặt.

2/. Họ và tên: **BÙI VĂN T.** Sinh ngày 20 tháng 8 năm 1969. Nơi sinh: Vĩnh Phúc. Nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã D, huyện T, Vĩnh Phúc. Chỗ ở: 17/8 - N, Phường 1, thành phố Đ, Lâm Đồng (nhà trọ). Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông: Đào Văn T (chết); Con bà: Bùi Thị H (chết). Vợ: Phan Thị P, sinh năm 1968 (không đăng ký kết hôn), có 01 con, sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án số 69/2012/HSST ngày 15/6/2012 của Tòa

án nhân dân thành phố V, Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2014. Bị bắt ngày 18/4/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trần Yên T và Bùi Văn T là các đối tượng sử dụng chất ma túy (Heroin) từ năm 2012, quá trình sử dụng ma túy, T có quen biết với một người phụ nữ tên N (không rõ lai lịch, địa chỉ), là đối tượng có sử dụng và bán Heroin.

Khoảng 12 giờ ngày 18/4/2018, T và N gặp nhau tại khu vực đường H, Phường 6, thành phố Đ, Lâm Đồng, N rủ Thanh đi xuống thị trấn N, huyện L, Lâm Đồng để mua Heroin thì T đồng ý. Sau đó Thanh điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 49N7-4140 đến Khu Hòa Bình, Phường 1, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng, gặp Bùi Văn T, Thanh rủ Tuấn cùng góp tiền mua Heroin về sử dụng chung thì Bùi Văn T đồng ý và đưa góp chung cùng với T 150.000 đồng để mua Heroin. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 49N7-4140 chở Bùi Văn T, còn Na đi một xe mô tô khác (không nhớ biển số), cả ba cùng đi từ thành phố Đ xuống thị trấn N, huyện L, Lâm Đồng để mua Heroin. Khi đến nơi, T lấy ra 300.000 đồng (gồm của T 150.000 đồng và 150.000 đồng của Bùi Văn Tuấn góp trước đó), đưa cho N để N đi mua Heroin, còn T và Bùi Văn T đứng đợi ở ven đường. Khoảng 15 phút sau, N quay lại, đưa cho T một gói Heroin được gói trong một tờ giấy bạc, T nhận gói ma túy do N đưa, cất giấu vào trong túi quần Jean đang mặc trên người rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 49N7-4140 chở Bùi Văn T về lại thành phố Đ, Lâm Đồng.

Khoảng 15 giờ 45 cùng ngày, khi Nguyễn Trần Yên T và Bùi Văn T về đến khu vực Tổ 6, Thôn 5, xã T, thành phố Đ, Lâm Đồng thì bị Công an thành phố Đ, Lâm Đồng kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ tang vật là 01 gói giấy bạc bên trong chứa chất ở dạng cục bột màu trắng trong túi quần Jean T đang mặc.

Tại Kết luận giám định số 634/GĐ-PC54 ngày 20/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Mẫu cục bột đựng trong 01 gói giấy bạc được niêm phong gửi giám định, có khối lượng 0,4402 gam là chất Heroin. Heroin là chất ma túy, nằm trong danh mục I, STT 20, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không thắc mắc, khiếu nại gì đối với Kết quả giám định của Cơ quan giám định nói trên.

Tại Cáo trạng số 140/CT-VKS ngày 24/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Nguyễn Trần Yên T và Bùi Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Trần Yên T khai nhận bị cáo đã có hành vi rủ Bùi Văn T cùng góp tiền, mỗi người 150.000 đồng rồi cả hai đi cùng với một

người tên N xuống thị trấn N, huyện L, Lâm Đồng để mua Heroin về cùng sử dụng. Sau khi mua được Heroin cả hai đang trên đường quay về thành phố Đ thì bị phát hiện và bắt giữ. Bị cáo Bùi Văn T công nhận lời khai của bị cáo Nguyễn Trần Yên T là đúng và không bổ sung gì thêm. Cả hai bị cáo khai nhận đã thực hiện việc phạm tội với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng và đều không thắc mắc hay khiếu nại gì đối với nội dung bản Cáo trạng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trần Yên T và Bùi Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và Biên bản bắt người phạm tội quả tang, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của bị cáo Nguyễn Trần Yên T và bị cáo Bùi Văn T tàng trữ 0,4402 gam Heroin, là số Heroin cả hai bị cáo cùng góp tiền mua để về sử dụng chung. Hành vi của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với cả hai bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Trần Yên T có ông nội là Liệt sĩ và bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên áp dụng thêm khoản 2 điều 51 và điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Trần Yên T. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Yên T từ 30 đến 36 tháng tù và đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 24 đến 30 tháng tù. Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo qui định của pháp luật.

Các bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Trần Yên T và Bùi Văn T:

Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức và đã từng sử dụng ma túy nên biết rất rõ việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy, trong đó có Heroin là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo góp tiền để mua và tàng trữ 0,4402 gam Heroin với mục đích để cùng sử dụng chung. Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật và gây mất trật tự an toàn xã

hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Biên bản phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Trần Yên T và Bùi Văn T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm đối với các bị cáo được quy định tại điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo tàng trữ 0,4442 gam Heroin, không vi phạm vào tình tiết định khung tăng nặng nào theo quy định tại điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 nên chỉ áp dụng điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo như Cáo trạng truy tố và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trần Yên T mua và tàng trữ trái phép chất ma túy là chất Heroin trong khi bị cáo đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, mới ra tù, chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 nên áp dụng tình tiết tăng nặng hình phạt theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Trần Yên T. Bị cáo Bùi Văn T không có tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa cả hai bị cáo đều đã thành khẩn khai báo. Bị cáo Nguyễn Trần Yên T có ông nội là Liệt sĩ và bà nội là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, cần áp dụng để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét hiện không xác định được cả hai bị cáo có nguồn thu nhập gì đáng kể từ việc Tàng trữ trái phép chất ma túy nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Các loại vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm:

+ Một phong bì đã được niêm phong, trong đựng bao gói vật chứng trước khi giám định; 02 ống bơm kim tiêm, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy;

+ Một điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Trần Yên T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu trắng bạc và số tiền 1.300.000 đồng thu giữ của bị cáo Bùi Văn T, là tài sản riêng của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

+ Một xe mô tô sơn màu đỏ, biển kiểm soát 49N7-4140 (đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Trần Yên T, theo bị cáo khai là xe mượn của ông Trần Đình T (bố của bị cáo T), nhưng quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu chính

thức của chiếc xe trên nên cần giao lại cho Công an thành phố Đ, Lâm Đồng tiếp tục tạm giữ để xác minh chủ sở hữu xe và xử lý theo qui định của pháp luật.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trần Yên T và Bùi Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2] . Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 và điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Yên T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2018.

[3] . Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249 và điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Bùi Văn T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2018.

[4] . Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì đã niêm phong đựng bao gói vật chứng trước khi giám định và 02 ống bơm kim tiêm.

+ Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T số tiền 1.300.000 (Một triệu ba trăm ngàn) đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu trắng bạc (đã qua sử dụng);

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trần Yên T 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen (đã qua sử dụng).

+ Giao cho Công an thành phố Đ, Lâm Đồng tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô sơn màu đỏ, biển kiểm soát 49N7-4140 để xác minh chủ sở hữu hợp pháp và xử lý theo thẩm quyền.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ ngày 26/9/2018).

[5]. Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về lệ phí, án phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trình

